

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 108/GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 3 năm 2017

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 95/UBND-CN ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty TNHH Sơn Bình lập hồ sơ cấp phép thăm dò mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường số 111A tại thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Sơn Bình (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường số 111A tại thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 287/TTr-STNMT ngày 13 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Sơn Bình được thăm dò khoáng sản mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường số 111A tại thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích thăm dò là 32.214,3 m², gồm 02 khu vực: Khu vực 1 có diện tích 28.277,3 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 ÷ 4; khu vực 2 có diện tích 3.937 m² được giới hạn bởi các điểm góc 3, 5, 6, 7 (có Bản đồ kèm theo);

- Thời hạn thăm dò: 2,5 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép;
- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;
- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước);
- Lệ phí giấy phép: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Điều 2. Công ty TNHH Sơn Bình có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của nhà nước.

2. Thực hiện thăm dò cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng cát, sỏi cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh Thanh Hóa và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

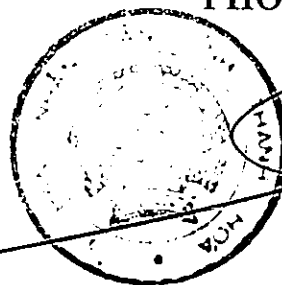
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, Công ty TNHH Sơn Bình chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Công ty TNHH Sơn Bình;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (05b);
- UBND huyện Cẩm Thủy;
- UBND thị trấn Cẩm Thủy;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa
Số đăng ký: ĐK/TD
Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 2017

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THAM DÒ MỎ CÁT, SỎI SỐ 111A TẠI THỊ TRẤN
CẨM THỦY, HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA**

*(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 108/GP-UBND
ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN - 2000 (Kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	22 36 764.5	549 448.0
2	22 36 850.1	549 558.8
3	22 36 683.5	549 702.7
4	22 36 624.8	549 569.0
5	22 36 629.0	549 727.7
6	22 36 651.8	549 787.5
7	22 36 709.3	549 761.3

KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 108 /GP-UBND
ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	K. lượng	Ghi chú
I	Công tác trắc địa			
1	Lập lưới khống chế độ cao đo đạc	km	4,3	
2	Lập lưới khống chế mặt phẳng bằng phương pháp đa giác, đường sườn (Lưới đa giác loại 1 trực tiếp)	km	4,3	
3	Đo vẽ địa hình, tỷ lệ 1/2.000	km ²	0,0515	
4	Đo vẽ trắc diện ngang sông, tỷ lệ 1/2.000	km	0,82	
5	Đo vẽ mặt cắt tính trữ lượng, tỷ lệ 1/2.000	km	0,77	
6	Định tuyến thăm dò	km	0,27	
7	Thu đo công trình địa chất 2 chiều	điểm	16	
II	Công tác địa chất			
	Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1/2.000	km ²	0,0322	
III	Công tác ĐCTV-ĐCCT			
1	Ngoài trời	km ²	0,0322	
2	Trong phòng	km ²	0,0322	
IV	Công tác khai đào			
	Thi công giếng	m	48	
V	Công tác lấy mẫu			
1	Mẫu hóa	mẫu	15	
2	Mẫu cơ lý	mẫu	4	
3	Mẫu độ hạt	mẫu	5	
4	Mẫu trọng sa	mẫu	3	
5	Mẫu khoáng vật	mẫu	3	
VI	Gia công, phân tích mẫu			
1	Gia công mẫu hóa	mẫu	15	
2	Phân tích mẫu hóa (4 chỉ tiêu)	mẫu	15	
3	Phân tích mẫu cơ lý (7 chỉ tiêu)	mẫu	4	
4	Phân tích mẫu độ hạt	mẫu	5	
5	Phân tích mẫu trọng sa toàn diện	mẫu	3	
6	Phân tích mẫu thành phần khoáng vật	mẫu	3	
VII	Lập báo cáo tổng kết			